TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT
Ngày: 14 - 9- 2021
V/v: *Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**
Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Dịu**
Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:***Ông **Nguyễn Hồng Hiển** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp mốc giới về quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXPT-DS ngày 05/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐ-PT ngày 15/7/2021 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 20/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn O, sinh năm: 1963 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn O: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1965 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021, có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mai T, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị Hương H, sinh năm: 1968. (Bà H uỷ quyền cho ông O tham gia tố tụng, theo giấy uỷ quyền ngày 04/5/2020, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1992 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Văn O trình bày:

Năm 2010, vợ chồng ông (vợ Lương Thị Hương H) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T 269m^2 đất thuộc thửa đất số 166 tờ bản đồ địa chính 21-d xã B, có phía Bắc giáp thửa đất số 168, tờ bản đồ 21-d xã B của bà Phạm Thị Mai T. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng ông làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 631126 ngày 16/6/2010 đứng tên ông Bùi Văn O và bà Lương Thị Hương H. Phần ranh giới tiếp giáp với thửa đất của bà T trước đây là hàng rào bằng cây dẹp. Do thửa đất của bà T phía sau rộng hơn phía trước nên vợ chồng ông có chừa khoảng 1m ngang, dài khoảng 30m để nhà bà T có lối đi ra phía sau. Năm 2018, bà T cho rằng lối đi có diện tích khoảng 30m^2 này là phần diện tích đất nằm trong diện tích 472m^2 mà gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Vì vậy, bà T đã phá ranh giới giữa hai thửa đất bằng cây dẹp và làm cửa sắt, rào lưới B40 làm lối đi để gia đình bà T sử dụng riêng. Tại biên bản làm việc ngày 10/9/2020 do Tòa án nhân dân huyện T lập, vợ chồng ông xác định lại lối đi hai bên đang tranh chấp có diện tích là 20m^2 nằm trong thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận. Vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Mai T phải trả lại cho vợ chồng ông diện tích 20m^2 đất là lối đi gia đình bà T đang sử dụng và tự tháo dỡ, di dời các công trình phụ, tài sản trên đất theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng khu đất ngày 28/8/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh T cung cấp.

Đối với chi phí xem xét thẩm định, định giá và đo đạc tài sản là 4.366.000 đồng ông đồng ý chịu và không yêu cầu bà T phải hoàn trả lại cho ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Mai T trình bày:

Năm 1998, mẹ bà là Mai Thị Thu H có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Đ thửa đất chiều ngang gần 3m, chiều dài khoảng 38m. Hai bên chỉ làm giấy tay vì diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó mẹ bà hoán đổi phần đất cạnh phía bắc cho bà Nguyễn Thị L để nhập vào phần đất giáp quốc lộ 1A, bà không biết diện tích bao nhiêu nhưng hai bên có ra thực địa bàn giao đất xác nhận mốc giới đất. Khi hoán đổi đất xong, mẹ bà có mở 01 đường hẻm chiều ngang khoảng 1,2m để đi ra phần đất phía sau, gia đình bà sử dụng con đường này từ đó đến nay. Năm 2006, mẹ bà chết, bà là người được hưởng di sản của mẹ để lại là toàn bộ diện tích nhà,

đất ở thôn G, xã B, huyện T. Năm 2016, bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC729602 ngày 13/10/2016 đứng tên bà. Theo đó bà được quyền sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ 21-d xã B có diện tích 472m^2. Trong đó bao gồm phần diện tích 30m^2 là ranh giới cạnh hướng nam giáp với thửa đất 166 của vợ chồng ông Bùi Văn O mà gia đình bà dành lối đi riêng ra phía sau khuôn viên nhà. Vì vậy, bà không đồng ý trả lại cho vợ chồng ông O, bà H 20m^2 và tháo dỡ tài sản trên phần đất là lối đi mà gia đình bà đang sử dụng, quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Hương H uỷ quyền cho ông Bùi Văn O tham gia tố tụng trình bày:

Bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn A trình bày:

Ông hoàn toàn đồng ý với nội dung trình bày của bà Phạm Thị Mai T và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn O, bà Lương Thị Hương H.

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Mai T trả lại diện tích 20m^2 đất hiện đang là lối đi, ranh giới giữa hai thửa đất cho vợ chồng ông O, bà H và phải tự tháo dỡ tự tháo dỡ, di dời 01 cửa sắt màu trắng diện tích 1,15m x 2,2m; 01 hàng rào lưới B40 cao 1,8m dài 10,3m, 01 cây đu đủ trồng 03 tháng chưa thu hoạch, 02 cây nho trồng được 01 năm trên đất. Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng khu đất ngày 28/8/2020 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh T cung cấp.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/12/2020, bị đơn bà Phạm Thị Mai T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn O. Đồng thời kiến nghị các cơ quan chức năng

thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn O và bà Phạm Thị Mai T và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới hiện tại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N không rút đơn khởi kiện; bị đơn bà Phạm Thị Mai T không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà, Thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã thực hiện thủ tục xét xử phúc thẩm từ khi thụ lý đến cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến phiên toà hôm nay bảo đảm đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn O, bà Lương Thị Hương H đòi bà Phạm Thị Mai T phải tháo dỡ tài sản trên diện tích 20 m^2 là phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn do bà T rào lấn chiếm ranh giới là có cơ sở. Bởi lẽ, xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông O, bà H và bà Phạm Thị Mai T thể hiện phần đất 20m^2 của ông O, bà H sử dụng thực tế còn thiếu và nằm trên ranh giới phần đất bà T rào lấn; trong khi đó phần đất của bà T thực tế sử dụng nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã trừ ra 20m^2 của ông O, bà H). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mai T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Lương Thị Hương H vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông Nguyễn Thành N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Lương Thị Hương H, ông Bùi Văn O.

[2] Ông Bùi Văn O khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Mai T trả lại diện tích 20m^2 đất mà bà T đang lấn chiếm, rào làm lối đi riêng vào phía sau khuôn viên khu đất của B, huyện T) của ông O, bà H là "*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*" như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bà Phạm Thị Mai T kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn O về việc yêu cầu bà trả phần đất giáp ranh cho rằng bà lấn chiếm thấy:

[3.1] Ông Bùi Văn O, bà Lương Thị Hương H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 631126 ngày 16/6/2010 thửa số 166, tờ bản đồ số 21d, diện tích 269m^2 tại thôn G, xã B (BL 70, 71); bà Phạm Thị Mai T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 729602 ngày 13/10/2016 thửa số 168, tờ bản đồ số 21d, diện tích 472m^2 tại thôn G, xã B.

[3.2] Căn cứ Văn bản số 2051/UBND-NC ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL 103) có nội dung: Thửa đất 166, tờ bản đồ số 21d, diện tích 269m^2 có nguồn gốc do ông Bùi Văn O và bà Lương Thị Hương H nhận chuyển nhượng từ ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 14/4/2010; Thửa đất 168, tờ bản đồ 21d, diện tích 472m^2 có nguồn gốc do mẹ bà Phạm Thị Mai T tạo lập trước năm 1990 để lại cho bà T năm 2006 sử dụng ổn định không tranh chấp. Việc cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 166 và thửa số 168, tờ bản đồ số 21-d cho vợ chồng ông O bà H và bà Phạm Thị Mai T đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng.

[3.3] Theo Văn bản số 3537/UBND-NC ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL 109) trả lời theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện T thì: *"Lối đi đang tranh chấp là do ông Nguyễn V là anh trai của bà Phạm Thị Mai T tự mở, hai bên vách nhà không có ranh rào cụ thể. Lối đi được hình thành sau thời điểm xác lập bản đồ địa chính năm 2002, lối đi có diện tích khoảng 30m^2. Về phần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Bùi Văn O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010, thửa đất 166, diện tích 269m^2; Bà Phạm Thị Mai T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016, thửa đất số 168, diện tích 472m^2, cấp theo kết quả đo đạc sau khi thu hồi đất mở rộng quốc lộ 1A (theo bản đồ địa chính năm 2002 là 531m^2). Qua kiểm tra, đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Lối đi đang tranh chấp có một phần diện tích đất khoảng hơn 16m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn O; phần còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..."*.

[3.4] Căn cứ Sơ đồ đo vẽ hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/8/2020 (BL 60), thể hiện: Phần diện tích đất thực tế của vợ chồng ông Bùi Văn O đang sử sụng là 239m^2, phần diện tích thu hồi để mở rộng quốc lộ 1A là 10m^2, phần diện tích lối đi hai bên tranh chấp là 20m^2; diện tích đất thực tế của bà Phạm Thị Mai T là 472m^2.

[4] Về nguồn gốc đất: ngày 14/4/2010, vợ chồng ông O bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 166, tờ bản đồ số 21d, diện tích 269m^2 của vợ chồng ông Bùi Xuân H bà Nguyễn Thị T và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2010 với diện tích sử dụng này. Đối với thửa số 168, tờ bản đồ số 21d, diện tích 472m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Mai T ngày 13/10/2016. Kết quả đo đạc tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, lối đi có diện tích 20m^2 các bên đang tranh chấp nằm trong diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho vợ chồng ông O, bà H. Diện tích đất thực tế ông O bà H đang sử dụng chỉ có 239m^2, cộng thêm 10m^2 đất đã thu hồi mở đường quốc lộ 1A và 20m^2 phần đất đang tranh chấp do bà T đang quản lý thì mới đủ với diện tích 269m^2 như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phù hợp trích lục bản đồ thửa đất.

[5] Bà Phạm Thị Mai T trình bày 20m^2 đất đang tranh chấp là phần đất trong diện tích 472m^2 bà được nhà nước công nhận quyền sử dụng nhưng thực tế diện tích bà đang sử dụng là 472m^2 (*chưa tính phần diện tích lối đi bà đang sử dụng nhưng chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất*). Hơn nữa, vợ chồng ông O bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2010; đến năm 2016 khi làm thủ tục đo đạc để cấp giấy chứng nhận bà T không khiếu nại gì. Ông O phát hiện đất của mình bị bà T lấn chiếm khi bà phá dỡ hàng rào bằng cây dẹp và làm lại hàng rào trụ xi măng nên phát sinh tranh chấp.

[6] Những người làm chứng bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị L trình bày 20m^2 đất đang tranh chấp nằm trong phần diện tích bà Đ sang nhượng cho bà H (mẹ bà T), tuy nhiên bà Đ, bà L đều khẳng định không biết thửa đất các bà chuyển nhượng, hoán đổi cho bà Mai Thị Thu H có diện tích bao nhiêu. Tại thời điểm đó cũng chưa có sơ đồ hiện trạng, vị trí, diện tích thửa đất mà các bên hoán đổi, chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bà Phạm Thị Mai T trả lại 20m^2 đất hiện đang là lối đi, ranh giới giữa hai thửa đất cho vợ chồng ông O, bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2020 thể hiện trên phần diện tích lối đi bà Phạm Thị Mai T có làm 01 cửa sắt màu trắng diện tích 1,15m x 2,2m; 01 cây đu đủ trồng 03 tháng chưa thu hoạch, 02 cây nho trồng được 01 năm; 01 hàng rào lưới B40 cao 1,8m dài 10,3m. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn nên buộc vợ chồng bà Phạm Thị Mai T, ông Trần Tuấn A phải tự tháo dỡ những công trình phụ, tài sản trên đất trả lại diện tích 20m^2 đất cho ông O, bà H.

[8] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông O 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Nguyễn Thành N nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021658 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Bị đơn bà Phạm Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Trần Tuấn A nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021729 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mai T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn O, bà Lương Thị Hương H;

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Mai T, ông Trần Tuấn A trả lại diện tích đất 20m^2 hiện đang là lối đi, ranh giới giữa hai thửa đất cho vợ chồng ông Bùi Văn O bà Lương Thị Hương H, có vị trí: Phía Đông giáp đất của bà Phạm Thị Mai T; phía Tây giáp Quốc lộ 1A; phía Nam giáp đất ông Bùi Văn O; phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị Mai T.

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Mai T, ông Trần Tuấn A phải tự tháo dỡ, di dời 01 cửa sắt màu trắng diện tích 1,15m x 2,2m; 01 hàng rào lưới B40 cao 1,8m dài 10,3m, 01 cây đu đủ trồng 03 tháng chưa thu hoạch, 02 cây nho trồng được 01 năm trên đất.

Về án phí:

Bà Phạm Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Bùi Văn O 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Nguyễn Thành N nộp thay) theo biên lai thu số 0021658 ngày 05/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Phạm Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Trần Tuấn A nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021729 ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng khu đất ngày 28/8/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh T).

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/9/2021.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- TAND huyện T (1);
- Các đương sự (4);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Phòng HC – TP (1);
- Lưu: hồ sơ, án văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh